

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 269 /2020/HNGĐ- ST

Ngày: 01/12/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Minh Sửu;

2. Ông Đỗ Trọng Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án ND huyện T.

- Đại diện viên kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Phúc Long, xã Minh Tiến, huyện N, tỉnh T.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Tống Phúc H, sinh năm 1983;

Hiện đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện số 1 Thanh Hóa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu 1 thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, và bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tống Phúc H tự nguyện tìm hiểu nhau tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện N, tỉnh T vào ngày 21/8/2008.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến đầu năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh H thay đổi tính tình, nghiện ma túy, thường xuyên nẩy sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2011 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Tổng Đức G, sinh ngày 13/02/2009, chị S nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 04/11/2020 giữa Tòa án và bị đơn, anh Tổng Phúc H trình bày:

Anh đã mắc sai lầm khi không chịu khó làm ăn, không quan tâm chăm sóc làm khổ vợ con, anh đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh H công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Tổng Đức G, sinh ngày 13/02/2009, anh đồng ý giao con cho chị S nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/10/2020, cháu Tổng Đức G có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị S được ly hôn với anh Tổng Phúc H.

Về con chung: Giao cháu Tổng Đức G, sinh ngày 13/02/2009 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Bùi Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tố tụng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Bùi Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, người trực tiếp nuôi con; Bị

đơn anh Tổng Phúc Huy, có địa chỉ cư trú tại Khu 1 thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Nguyên đơn, chị Bùi Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị S.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị S và anh Tổng Phúc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện N, tỉnh T vào ngày 21/8/2008, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị S Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án chị S thấy tình cảm vợ chồng không còn, do anh H không quan tâm đến vợ con và nghiện ma túy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1/2011, anh H cũng công nhận không quan tâm đến vợ con, bản thân có nghiện ma túy và hiện đang bị bắt buộc cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc. Như vậy mâu thuẫn quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chị S yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị S và anh Tổng Phúc H đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Tổng Đức Giang, sinh ngày 13/02/2009.

Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án anh Huy có quan điểm, ý kiến về việc giao con cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng, chị S có nguyện vọng được nuôi con chung, căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Tổng Đức G cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của chị S, do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4]. Về tài sản và công nợ: Hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; các Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; **điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Về hôn nhân : Xử cho chị Bùi Thị S được ly hôn anh Tống Phúc H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tống Đức G, sinh ngày 13/02/2009.

Giao cháu Tống Đức G cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Huy có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2019/0006211 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh T. Chị S đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T, T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn T, huyện T.
- UBND xã M, huyện N, T.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Hồng Đức